

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1775/UBND-CT

Triệu Phong, ngày 17 tháng 7 năm 2019

V/v tham gia ý kiến dự thảo Thông tư
thay thế Thông tư số 08/2017/TT-BNV

Kính gửi: Phòng Nội vụ huyện.

UBND huyện nhận được Công văn số 94/BTĐKT-NV1 ngày 12/7/2019 của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh về việc tham gia ý kiến dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 08/2017/TT-BNV (sao gửi kèm), UBND huyện có ý kiến như sau:

Giao Phòng Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện tham gia ý kiến dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thi đua, khen thưởng.

Văn bản tham gia ý kiến trình UBND huyện đề gửi Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 19/7/2019./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT;
- CPVP, CV;
- Lưu: VTUB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ✓
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Vũ

**SỞ NỘI VỤ TỈNH QUẢNG TRỊ
BAN THI ĐUA-KHEN THƯỞNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 94/BTĐKT-NV1

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo

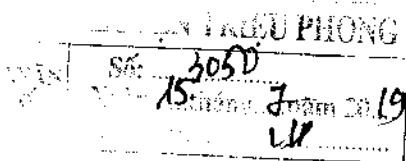
Thông tư thay thế Thông tư

số 08/2017/TT - BNV

Quảng Trị, ngày 2 tháng 7 năm 2019

Kính gửi:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.



Thực hiện Công văn số 3070/UBND – NC ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 08/2017/TT – BNV ngày 28/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (Sao gửi kèm); Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh trân trọng đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, tham gia ý kiến vào các nội dung có liên quan để hoàn thiện dự thảo Thông tư.

Văn bản tham gia ý kiến xin gửi về Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh trước ngày 19/7/2019 để tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV1.

Hoàng Văn Mai

BỘ NỘI VỤ
BAN THI ĐUA - KHEN THƯỞNG
TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:



Hà Nội, ngày tháng năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thi đua, khen thưởng

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BNV ngày 01/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Chương trình công tác năm 2019 của Bộ Nội vụ, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã chủ trì soạn thảo xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 28/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ. Sau khi lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, Công thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Nội vụ; ý kiến góp ý của các đồng chí Lãnh đạo Ban, các vụ, đơn vị thuộc Ban và tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ, Ban Thi đua – Khen thưởng đã hoàn thiện dự thảo Thông tư.

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương kính trình Bộ trưởng:

I. Sự cần thiết của việc ban hành Thông tư

Ngày 27 tháng 10 năm 2017 Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 08/2017/TT-BNV quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng. Thông tư số 08/2017/TT-BNV đã hướng dẫn chi tiết, rõ ràng, cụ thể một số quy định của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ, tạo thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng. Bên cạnh đó, Thông tư số 08/2017/TT-BNV vẫn còn một số nội dung chưa được quy định cụ thể (như: danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tiền thưởng; thẩm quyền khen thưởng cho đối tượng không thuộc đối tượng quản lý tổ chức, cán bộ, quỹ lương; thẩm quyền khen thưởng cho đối tượng lực lượng dân quân tự vệ, bảo vệ dân phố, công an xã, thị trấn; tiêu chuẩn tặng Bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh cho gia đình, Giấy khen cho gia đình; tuyên trình khen đối với cá nhân, tổ chức, các chức sắc, tôn giáo...), một số quy định về thời gian trình khen thưởng

còn bất cập, chưa đảm bảo (do quy trình đề nghị khen thưởng phải được tiến hành từng cấp; đối với đơn vị là doanh nghiệp đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” thời hạn trình trước ngày 31/3 hàng năm, thời điểm này chưa có kết quả kiểm toán) dẫn đến vướng mắc, bất cập, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện cần phải được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

Để khắc phục những bất cập, hạn chế nêu trên, Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 08/2017/TT-BNV nhằm: sửa đổi các quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BNV cho phù hợp với thực tiễn; bổ sung các quy định còn thiếu, chưa cụ thể nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất khi áp dụng các quy định về thi đua, khen thưởng.

Dự thảo Thông tư đã được Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương chủ trì soạn thảo và chỉnh lý trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị thuộc Ban, các bộ, ban, ngành, địa phương và ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Nội vụ.

II. Nội dung dự thảo Thông tư:

1. Về nội dung các Điều, gồm 16 điều:

- Điều 1. Giải thích từ ngữ.

- Điều 2. Những quy định chung về khen thưởng (trong đó quy định cụ thể về trách nhiệm người đứng đầu trong việc đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phạm vi ảnh hưởng thành tích; công khai tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng; khen thưởng phải phù hợp với thành tích đạt được; quy trình, thời gian, thẩm quyền khen thưởng).

- Điều 3. Về hình thức khen thưởng

- Điều 4. Về tổ chức phong trào thi đua (quy định việc tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc ngành, lĩnh vực thuộc bộ, ngành, việc khen thưởng người đứng đầu bộ, ngành, địa phương thực hiện theo thẩm quyền).

- Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua (quy định chi tiết về nội dung tổ chức phong trào thi đua quy định cụ thể hơn về nội dung, trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua).

- Điều 6. Về việc xét công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến; đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu chiến sỹ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng.

- Điều 7. Thẩm quyền xét đề nghị công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

- Điều 8. Về việc tặng Cờ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh (quy định cụ thể thẩm quyền tặng Cờ thi đua, Bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh đối với tập thể, cá nhân thuộc khối thi đua Bộ, ban, ngành, địa phương).

- Điều 9. Khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc (quy định cụ thể khoản 3, Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP) để khen thưởng đối với cá nhân đạt giải thưởng, huy chương vàng, huy chương bạc, huy chương đồng của khu vực và thế giới.

- Điều 10. Tiêu chuẩn Bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh tặng cho gia đình; Giấy khen tặng cho gia đình (đây là nội dung mới, giao bộ, ngành, địa phương quy định tiêu chuẩn đối với Bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh tặng cho gia đình; Giấy khen tặng cho gia đình).

- Điều 11. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh (quy định cụ thể trách nhiệm của Hội đồng Thi đua Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh).

- Điều 12. Khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo; khen thưởng doanh nghiệp (quy định về khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc tổ chức tôn giáo; khen thưởng đối với doanh nghiệp).

- Điều 13. Tiền thưởng (đây là nội dung mới, quy định cụ thể tiền thưởng đối với hộ gia đình; Huy hiệu, Kỷ niệm chương).

- Điều 14. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (quy định cụ thể về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước).

- Điều 15. Hiệu lực thi hành

- Điều 16. Điều khoản thi hành

2. Về đánh giá tác động:

Dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/8/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng không quy định mới về chính sách và không quy định thêm thủ tục hành chính; không có tác động đến các vấn đề liên quan đến giới nên không có ảnh hưởng đến việc lồng ghép bình đẳng giới.

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương kính trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định./.

(Kèm theo dự thảo Thông tư và các văn bản có liên quan)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng ban (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, Vụ I.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Huy Giang

Số: /2019/TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết thi hành một số điều của
Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng**

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Khoản 3, Điều 80 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Bộ, ban, ngành, địa phương là: Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Trung ương Đảng, các Ban của Đảng ở Trung ương, Kiểm toán Nhà nước; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Người đứng đầu bộ, ban, ngành, địa phương là: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng ở Trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Trưởng các đoàn thể trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

4. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

6. Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương (sau đây gọi chung là Cờ thi đua cấp bộ, Bằng khen cấp bộ, Chiến sĩ thi đua cấp bộ).

7. Cờ thi đua cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bằng khen cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cờ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh).

8. Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP).

9. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, gồm: Huân chương; Huy chương; danh hiệu vinh dự Nhà nước; Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

10. Các danh hiệu thi đua cấp Nhà nước, gồm: Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

11. Tập thể nhỏ là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở, bao gồm một số cá nhân cùng thực hiện một nhiệm vụ (tổ, đội, phân xưởng sản xuất; phòng, khoa thuộc bệnh viện cấp huyện, bệnh viện cấp tỉnh; tiểu đội thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; đội thuộc công an cấp huyện...).

12. Khen thưởng thành tích từ thiện, nhân đạo là khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác xã hội.

Điều 2. Quy định chung về khen thưởng

1. Đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước việc đánh giá, công nhận thành tích và đề nghị cấp trên khen thưởng do Người đứng đầu bộ, ban, ngành, địa phương thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đối với các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, địa phương việc đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích, do bộ, ban, ngành, địa phương quy định.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng có trách nhiệm công khai tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” trên phương tiện thông tin thuộc thẩm quyền quản lý như Báo ngành, địa phương, Công thông tin điện tử, Tạp chí....

Việc lấy ý kiến của nhân dân trên phương tiện thông tin và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh trước khi quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Hình thức, mức hạng khen thưởng phải phù hợp với thành tích đạt được. Quan tâm khen thưởng cá nhân, tập thể từ yếu kém, phần đầu trở thành điển hình

tiên tiến trong phong trào thi đua; người dân tộc thiểu số và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, học tập, công tác. Không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để đề nghị nâng mức khen thưởng lần sau.

Việc khen thưởng thành tích đột xuất thực hiện theo quy định về mức hạng tại Điều 24, Điều 27, Điều 30 và Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

4. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo các mẫu (từ số 01 đến số 09) Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được: Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng tính đến thời điểm bộ, ban, ngành, địa phương trình Thủ tướng Chính phủ trước 06 tháng; nếu quá thời hạn trên, bộ, ban, ngành, địa phương phải bổ sung thành tích của tập thể, cá nhân.

Bộ, ban, ngành, địa phương trình Thủ tướng Chính phủ hồ sơ khen thưởng bằng văn bản giấy đồng thời gửi văn bản điện tử qua phần mềm "Hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử Ngành Thi đua - Khen thưởng". Hồ sơ đề nghị khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương cùng nhận được văn bản giấy và văn bản điện tử.

5. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề, đột xuất được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

6. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

7. Khi khen thưởng đối với tập thể phải đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, nếu tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể phải đạt danh hiệu "Tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh". Đối với tập thể không có tổ chức đảng, đoàn thể chỉ khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tập thể có nội bộ đoàn kết tốt.

8. Thời gian trình các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể thuộc ngành giáo dục đào tạo như: Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố; các phòng chuyên môn thuộc sở, các Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Phương án 1: Theo năm học

Phương án 2: Theo năm công tác

Cơ quan soạn thảo đề nghị theo phương án 1

9. Bộ, ngành, tỉnh chỉ khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho nhân, tập thể thuộc quyền quản lý về tổ chức, cán bộ, quỹ lương. Đối với cá nhân, tập thể không thuộc đối tượng quản lý về tổ chức, cán bộ, quỹ lương thì bộ, ngành, tỉnh chỉ khen thưởng các hình thức thuộc thẩm quyền, không đề nghị khen thưởng các hình thức cao hơn.

Điều 3. Về hình thức khen thưởng

1. Căn cứ đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao và thành tích đạt được của tập thể, cá nhân để đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức phù hợp.

2. Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được; Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn tặng hình thức mức hạng nào thì xét, đề nghị cấp có thẩm quyền tặng thưởng hình thức đó. Không đề nghị tặng 02 loại Huân chương hoặc tặng Huân chương và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cùng một thành tích.

3. Trong 01 năm không đề nghị cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc đồng thời cả hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình công hiến; khen thưởng theo niên hạn).

Điều 4. Về tổ chức phong trào thi đua theo đợt trong phạm vi bộ, ban, ngành, địa phương

1. Khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) có phạm vi trong bộ, ban, ngành trung ương, địa phương có thời gian từ 03 năm trở lên cơ quan chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ban, ngành, địa phương gửi Kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để theo dõi, tổng hợp.

2. Người đứng đầu bộ, ban, ngành, địa phương khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) trong phạm vi bộ, ban, ngành, địa phương thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền.

Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm trở lên, bộ, ban, ngành, địa phương lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trình Thủ tướng Chính phủ xét, tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; phong trào thi đua có thời gian từ 05 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP để trình cơ quan có thẩm quyền xét khen thưởng.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý theo một số nội dung sau:

1. Tổ chức phong trào thi đua phải gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, tổ chức và có tính khả thi, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm để đề ra chỉ tiêu, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

2. Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia và đảm bảo các điều kiện tinh thần, vật chất cho

phong trào thi đua. Thường xuyên theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức; cơ quan truyền thông phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng gương điển hình tiên tiến được coi là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

3. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, ý nghĩa, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua. Dân chủ, khách quan công khai bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc.

Điều 6. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc xét, công nhận sáng kiến do các bộ, ngành, địa phương thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng chỉ tham mưu xem xét, đánh giá phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả ứng dụng của sáng kiến và đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"; ở cấp bộ, ban, ngành, địa phương thì xét, tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh; phạm vi toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

Điều 7. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp sở, ban, ngành và cấp huyện do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng xét, trình giám đốc sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Việc công nhận danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” đối với tập thể, cá nhân trong lực lượng dân quân tự vệ, bảo vệ dân phố, công an xã, thị trấn (trừ công an chính quy) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Người lao động, tập thể người lao động làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh nước ngoài; hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại... do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã trực tiếp quản lý xem xét, quyết định.

Điều 8. Việc tặng Cờ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh

1. Bộ, ban, ngành, địa phương căn cứ hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và tình hình thực tiễn để tổ chức hoạt động cụm, khối thi đua cho phù hợp.

2. Bộ, ban, ngành, địa phương tổ chức phong trào thi đua thường xuyên theo cụm, khối thi đua xem xét, quyết định tặng Cờ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh cho tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, dẫn đầu cụm, khối thi đua. Đối với bộ, ban, ngành có ngành dọc từ trung ương đến địa phương khi thành lập các cụm, khối thi đua để tổ chức phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề khi sơ kết, tổng kết theo chuyên đề lựa chọn tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất để tặng Cờ thi đua cấp bộ.

Bộ, ban, ngành trung ương xét, tặng Cờ thi đua hoặc Bằng khen cho cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh khi tham gia cụm thi đua do bộ, ban, ngành trung ương tổ chức.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét, tặng Cờ thi đua hoặc Bằng khen cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị của trung ương tham gia phong trào thi đua ở địa phương.

3. Việc lựa chọn tập thể tiêu biểu xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ do bộ, ban, ngành, địa phương thực hiện theo thẩm quyền.

Điều 9. Khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc

1. Thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP: Là thành tích được cơ quan, tổ chức trong khu vực hoặc thế giới tặng thưởng huy chương, giải thưởng, giấy chứng nhận và các hình thức ghi nhận hợp pháp khác, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và được cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận.

2. Bộ, ban, ngành, địa phương có tập thể, cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc căn cứ quy định, tình hình thực tiễn và phạm vi ảnh hưởng, kịp thời hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Tiêu chuẩn Bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh, Giấy khen tặng cho gia đình

Tiêu chuẩn Bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh tặng cho gia đình, Giấy khen tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội do bộ, ngành, địa phương căn cứ tình hình thực tế quy định mức đóng góp tự nguyện của gia đình trong công tác xã hội để quy định cho phù hợp.

Điều 11. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Người đứng đầu đánh giá thành tích của tập thể, cá nhân có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc; ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, địa phương hoặc trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Cơ quan thường trực Hội đồng có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị hoặc uỷ quyền cho 01 Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thực hiện bỏ phiếu như các thành viên khác. Cơ quan thường trực Hội đồng xin ý kiến các thành viên vắng mặt bằng văn bản, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng; hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định.

Điều 12. Khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo; khen thưởng doanh nghiệp.

1. Khen thưởng quá trình cống hiến

a) Bộ, ban, ngành, địa phương trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước khen thưởng quá trình cống hiến cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn trước khi nghỉ chế độ 06 tháng.

b) Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xin ý kiến Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đối với cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước khen thưởng "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập" các hạng, "Huân chương Quân công" theo quy định.

c) Những cán bộ đã nghỉ hưu, nay đơn vị đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) xem xét, hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo

a) Việc khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc trung ương các giáo hội.

Phương án 1: Việc khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc trung ương các giáo hội do cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo trình Thủ tướng Chính phủ.

Phương án 2: Việc khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc trung ương và giáo hội do Cơ quan Trung ương giáo hội trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Tổ chức, cá nhân thuộc giáo hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ.

c) Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xin ý kiến các cơ quan có liên quan về tôn giáo; xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ xét, khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước khen thưởng.

3. Khen thưởng đối với doanh nghiệp

a) Việc khen thưởng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm toán phải có Báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền trong thời gian 05 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng. Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

Đối với đơn vị là doanh nghiệp đề nghị tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" thời hạn trình trước ngày 31/3 hàng năm, do thời điểm này chưa có kết quả kiểm toán thì trong báo cáo thành tích phải có cam kết đã thực hiện tốt các quy định của Luật kiểm toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp hoạt động tại nơi đặt trụ sở giao dịch chính do Người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở giao dịch chính khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Đơn vị thành viên của doanh nghiệp, nhưng hạch toán độc lập và thực hiện nghĩa vụ ở địa phương nơi không đóng trụ sở giao dịch chính do Người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

c) Trường hợp tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp có thành tích đóng góp cho địa phương ngoài nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tập thể, cá nhân lập được thành tích, khen thưởng.

Điều 13. Tiền thưởng

Tiền thưởng đối với Huy hiệu của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Kỷ niệm chương của bộ, ngành do bộ, ngành, tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế quỹ thi đua khen thưởng của bộ, ngành, tỉnh để quy định sau khi thống nhất với cơ quan quản lý Nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương.

Mức tiền thưởng đối với các hình thức khen thưởng tặng cho hộ gia đình tương đương mức tiền thưởng đối với các hình thức khen thưởng tặng cho cá nhân.

Điều 14. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

1. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương:

a) Xây dựng kế hoạch hàng năm về nội dung chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước.

b) Chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng.

2. Cơ quan chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng:

a) Xây dựng kế hoạch và nội dung chương trình bồi dưỡng để tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Cử cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020 và thay thế Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Bộ, ban, ngành trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phản ánh về Bộ Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) để nghiên cứu, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Nội vụ;
- Công thông tin điện tử Chính phủ; Công báo;
- Lưu: VT, PC, BTĐKTTW (3b), Đ225.

BỘ TRƯỞNG

Lê Vĩnh Tân